

-기 위해서

để, nhằm, vì (mục đích)

Nêu mục đích một cách rõ ràng. Thêm một mẫu cố định được xây dựng trên -기, và là lựa chọn chuẩn trong văn viết.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Động từ hành động	-기 위해서	합격하다 → 합격하기 위해서
Với danh từ	을/를 위해서	건강을 위해서
Gốc ㄹ giữ nguyên ㄹ	-기 위해서	만들다 → 만들기 위해서
Văn viết trang trọng	-기 위하여	개선하기 위하여
Được dùng mệnh lệnh	có	건강을 위해서 운동하세요
Tính từ	không thể	행복하기 위해서 — hãy dùng 행복해지기 위해서

Khi nào dùng

Gắn -기 위해서 vào gốc động từ — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, không có thì phía trước. Với danh từ, dùng 을/를 위해서: 건강을 위해서, 가족을 위해서.

Nó đi với động từ hành động. Mục đích phải là điều bạn có thể bắt tay vào làm, nên tính từ bị loại trừ.

Hai vế có cùng chủ ngữ, và khác với -(으)려고, nó chấp nhận câu mệnh lệnh và đề nghị: 건강을 위해서 운동하세요.

서 là tùy chọn, và dạng đầy đủ -기 위하여 còn trang trọng hơn nữa — phổ biến trong văn bản và bài phát biểu.

Ví dụ trong câu

- 1 시험에 합격하기 위해서 매일 공부해요.
Tôi học mỗi ngày để thi đỗ.
- 2 건강을 지키기 위해서 아침마다 운동하세요.
Hãy tập thể dục mỗi sáng để bảo vệ sức khỏe.
- 3 돈을 모으기 위해서 외식을 줄였어요.
Tôi hạn chế ăn ngoài để tiết kiệm tiền.
- 4 한국어를 배우기 위해서 한국에 왔습니다.
Tôi đến Hàn Quốc để học tiếng Hàn.
- 5 직접 만들기 위해서 재료를 사 왔어요.
Tôi đã mua nguyên liệu để tự làm.
- 6 서비스를 개선하기 위하여 노력하겠습니다.
Chúng tôi sẽ nỗ lực để nâng cao chất lượng dịch vụ.

So sánh với

-(으)려고
Cả hai đều diễn tả ý định, nhưng -(으)려고 không nhận câu mệnh lệnh. Khi muốn bảo ai đó làm gì vì một mục đích, 위해서 là dạng dùng được.

공부하려고 왔어요. (tôi đến để học) / 건강을 위해서 운동하세요. (hãy tập thể dục vì sức khỏe)

-도록
-도록 cho phép mỗi vế có chủ ngữ khác nhau; 위해서 đòi hỏi cùng một chủ ngữ. Khi mục đích liên quan đến người khác, -도록 là lựa chọn duy nhất.

아이들이 보도록 크게 썼어요. (để bọn trẻ thấy) / 잘 보기 위해서 안경을 썼어요. (để chính mình thấy rõ)

-(으)러
-(으)러 chỉ dùng với động từ di chuyển. 위해서 dùng được với mọi hành động.

밥 먹으러 갔어요. (đã đi ăn cơm) / 살을 빼기 위해서 운동해요. (tập thể dục để giảm cân)

Lưu ý

- ✗ 행복하기 위해서 노력해요.
○ 행복해지기 위해서 노력해요.
Mục đích phải là một hành động. Tính từ cần -아/어지다 trước để trở thành điều bạn có thể hướng tới.
- ✗ 건강 위해서 운동하세요.
○ 건강을 위해서 운동하세요.
Với danh từ, trợ từ 을/를 là bắt buộc: 건강을 위해서, 가족을 위해서.
- ✗ 시험에 합격했기 위해서 공부해요.
○ 시험에 합격하기 위해서 공부해요.
-기 không bao giờ mang thì. Mục đích nằm ở phía trước, nên chỉ cần gốc từ nguyên dạng.